

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HOÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2023/QĐST-HNGĐ

D, ngày 05 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần Tố D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện L, Khánh Hòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện D, Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Trần Tố D và ông Nguyễn Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Nguyễn Trần Tố D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trần Hiểu L, sinh ngày 15/12/2019; ông Nguyễn Đức T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà D và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà D và ông T xác định không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Trần Tố D nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (trong đó bà D tự nguyện nộp thay cho ông Nguyễn Đức T 75.000đ tiền án phí) nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0008081 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, Khánh Hòa; bà D, ông T đã nộp đủ tiền án phí. Hoàn lại cho bà D 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã C, H. L (Nơi đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 05/5/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ